

Ngày 30/09/2025	32,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.9%	72.1%	49.5%

	Q3/25	
ROE	11.7%	+/- YoY ▲ 1.2%

	Q3/25		
DT thuần	82.7	QoQ	YoY
		▲ 9.00	▲ 29.8
		▲ 12.3%	▲ 56.4%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	221	YoY
		▲ 63.0
		▲ 40.1%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	10.8	QoQ	YoY
		▲ 1.28	▲ 2.38
		▲ 13.1%	▲ 27.8%
	tỷ VNĐ		

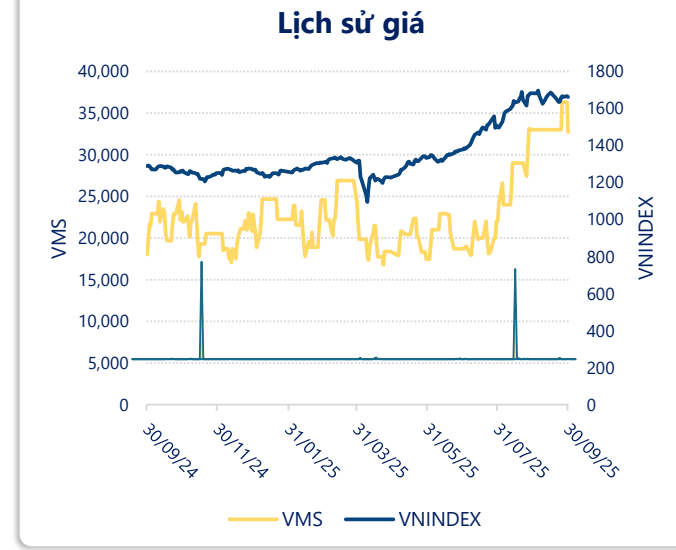
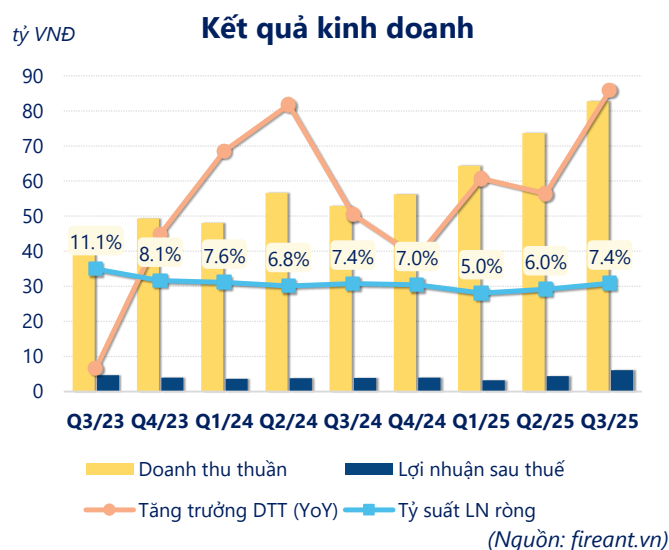
	9T 2025	
LN gộp	28.2	YoY
		▲ 6.70
		▲ 31.3%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	5.91	QoQ	YoY
		▲ 0.46	▲ 1.10
		▲ 8.5%	▲ 22.9%
	tỷ VNĐ		

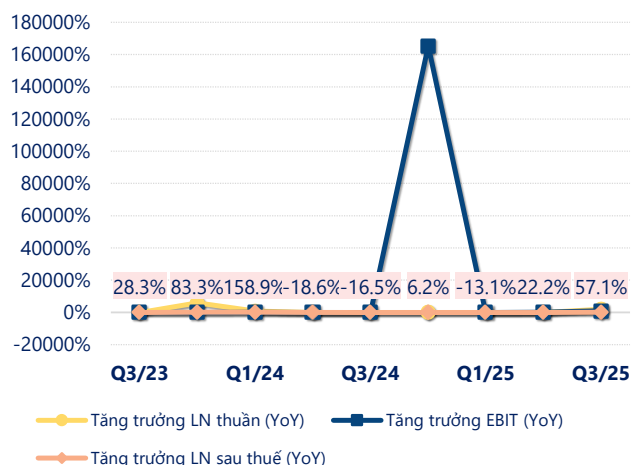
	9T 2025	
LN thuần	15.3	YoY
		▲ 4.40
		▲ 40.0%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	6.12	QoQ	YoY
		▲ 1.74	▲ 2.21
		▲ 39.7%	▲ 56.5%
	tỷ VNĐ		

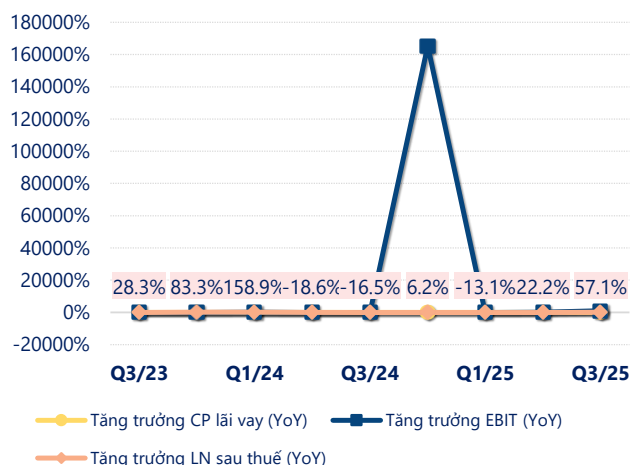
	9T 2025	
LN sau thuế	13.7	YoY
		▲ 2.30
		▲ 19.9%
	tỷ VNĐ	



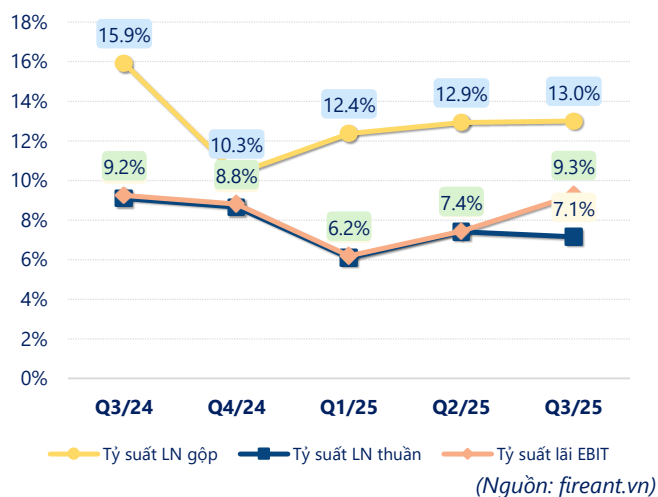
Tăng trưởng lợi nhuận



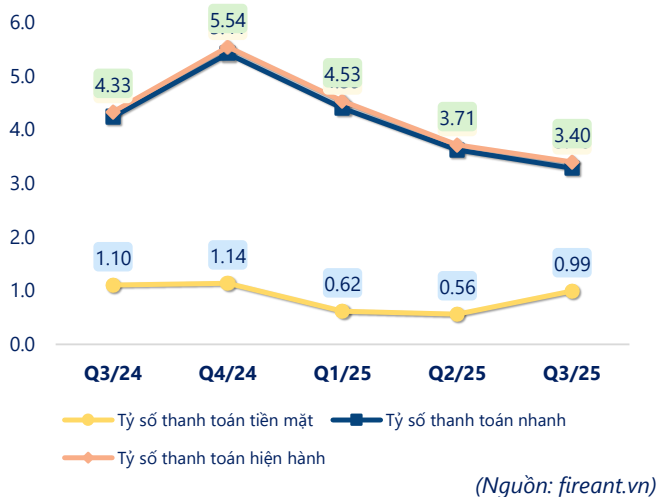
Tăng trưởng chi phí



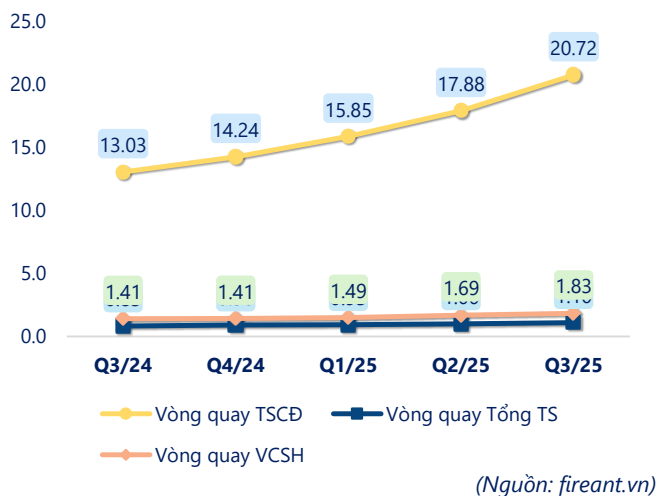
Tỷ suất lợi nhuận



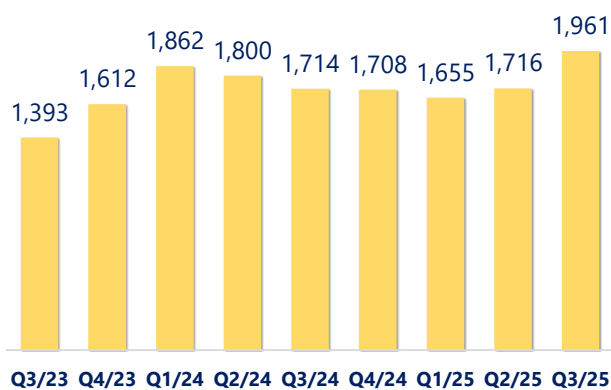
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	82.7	52.9	56.4%	221	158	40.1%
Giá vốn hàng bán	72.0	44.5	61.8%	193	136	41.5%
Lợi nhuận gộp	10.8	8.42	27.8%	28.2	21.5	31.3%
Doanh thu HĐTC	0.79	0.48	65.3%	2.42	1.86	29.8%
Chi phí TC	0.26	0.02	1182%	0.53	0.05	936%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.28	0.08	247%	0.71	0.66	7.2%
Chi phí QLDN	5.11	3.99	28.1%	14.1	11.7	20.5%
LN thuần từ HĐKD	5.91	4.81	22.9%	15.3	10.9	40.0%
Lợi nhuận khác	1.75	0.08	2083%	1.84	3.29	-44.2%
LN trước thuế	7.66	4.89	56.6%	17.1	14.2	20.5%
Lợi nhuận sau thuế	6.12	3.91	56.5%	13.7	11.4	19.9%
LNST của CĐ cty mẹ	6.12	3.91	56.5%	13.7	11.4	19.9%

(Nguồn: fireant.vn)

